

Bản án số: 53/2021/DS - ST
Ngày: 30-9 - 2021
V/v tranh chấp “ Hợp đồng vay
tài sản”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm My.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Duy Thắm;

Bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Quốc Việt là Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Cường- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 76/2021/TLST- DS ngày 12 tháng 4 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2021/QĐXX-ST ngày 10 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Hữu H1, sinh năm 1946. Địa chỉ: Tổ Z, ấp Z, xã S, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Anh Lê Hữu Đ, sinh năm 1971. Địa chỉ: Tổ Z, ấp Z, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Anh Lê Minh H2, sinh năm 1972. Địa chỉ: 8/76b, khu phố Hiệp Bình, phường Hiệp Ninh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Chị Lê Thị Phương L1, sinh năm 1974. Địa chỉ: Tổ Z, ấp Z, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Anh Lê Đại P, sinh năm 1977. Địa chỉ: Tổ 8, ấp Y, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Anh Lê Đại L2, sinh năm 1979. Địa chỉ: Tổ Z, ấp Z, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Anh Lê Đại L3, sinh năm 1982. Địa chỉ: Tổ Z, ấp Z, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Ông H1, anh H2, chị L1, anh P, anh L2, anh L3 ủy quyền cho anh Đ tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 13/01/2021 và ngày 24/01/2021. (anh Đ có mặt)

Bị đơn: Anh Dương Thanh H3, sinh năm 1981; chị Nguyễn Thị Kim Q. Cùng địa chỉ: Tổ 3, ấp 1, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh. (chị Q có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, anh H3 vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ghi ngày 08/4/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn do anh Lê Hữu Đ đại diện trình bày:

Bà Lê Thị L là mẹ anh (chết ngày 10/6/2018), ông Lê Hữu H1 là cha anh. Cha mẹ anh có 06 người con gồm: Lê Hữu Đ, Lê Minh H2, Lê Thị Phương Loan, Lê Đại Phụng, Lê Đại Long, Lê Đại Lanh.

Ngày 19/9/2017, bà L có cho anh Dương Thanh H3, chị Nguyễn Thị Kim Q vay số tiền 60.000.000 đồng. Khi cho vay hai bên có làm giấy tay, giấy tay này do chị Q viết và ký tên. Việc vay tiền không thỏa thuận thời hạn trả. Hai bên thỏa thuận lãi suất 3%/tháng. Sau khi vay thì anh H3, chị Q có trả lãi được 02 tháng là tháng 10 và tháng 11 năm 2017, số tiền cụ thể là 3.600.000 đồng.

Sau khi bà L chết, anh H3, chị Q cũng không trả phần gốc và lãi nào cho gia đình anh. Ngày 04/11/2019, anh H3, chị Q có trả cho anh số tiền 30.000.000 đồng và viết giấy ghi nhận còn nợ lại 30.000.000 đồng, hẹn tới ngày 04/01/2020 sẽ trả hết nợ nhưng không thực hiện.

Nay những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà L là ông Lê Hữu H1, anh Lê Hữu Đ, anh Lê Minh H2, chị Lê Thị Phương L1, anh Lê Đại P, anh Lê Đại L2, anh Lê Đại L3 khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh H3, chị Q trả số tiền nợ gốc còn lại là 30.000.000 đồng và nợ lãi theo quy định của pháp luật từ ngày vay số tiền 60.000.000 đồng là ngày 19/9/2017 đến ngày 03/11/2019, lãi trên số tiền 30.000.000 đồng từ ngày 04/11/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn anh Dương Thanh H3 trình bày:

Năm 2016 không nhớ cụ thể ngày tháng, vợ chồng anh có hỏi vay của bà L số tiền 60.000.000 đồng, mục đích vay làm vốn làm ăn, lo kinh tế gia đình. Khi vay không thỏa thuận thời hạn trả. Lãi suất thỏa thuận 5%/tháng. Khi vay hai bên có làm giấy vay tiền trên 01 tờ giấy a4 chứ không phải là giấy tập như nguyên đơn cung cấp, cả hai vợ chồng cùng ký tên. Giấy nợ này làm 01 bản, do bà L giữ.

Sau khi vay thì vợ chồng anh đóng lãi đầy đủ 5%/tháng từ ngày vay cho đến khi bà L chết vào tháng 6/2018. Sau khi bà L chết thì vợ chồng anh không đóng lãi nữa nên có xin chồng con bà L cho trả tiền gốc, không trả lãi nữa, nhưng họ không đồng ý.

Đến ngày 04/11/2019 anh H3, chị Q có trả cho anh Đ – con bà L số tiền 30.000.000 đồng. Còn nợ lại 30.000.000 đồng. Vợ chồng anh có viết lại giấy nợ mới cho anh Đ, ghi nhận còn thiếu 30.000.000 đồng và hẹn đến ngày 04/01/2020 sẽ trả hết nợ, nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên anh và chị Q vẫn chưa trả.

Khi đóng lãi cho bà L thì vợ chồng anh không có yêu cầu bà L ghi biên nhận mà chị Q vợ anh chỉ ký vào sổ theo dõi của bà L nên không có gì chứng minh việc đã đóng lãi đầy đủ 5%/tháng cho đến ngày bà L chết.

Nay các đồng thừa kế của bà L khởi kiện vợ chồng anh yêu cầu trả số tiền gốc 30.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật, anh chỉ đồng ý cùng vợ trả số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng, xin không trả lãi vì hoàn cảnh khó khăn, không có khả năng trả lãi nữa.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim Q trình bày:

Chị là vợ anh H3, chị thống nhất theo lời trình bày và yêu cầu của anh H3. Không bổ sung gì thêm.

*** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:**

- *Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người đại diện của nguyên đơn là anh Đ, bị đơn là chị Q có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt; anh H3 được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vắng mặt anh Đ, chị Q, anh H3 là có căn cứ.

- *Về nội dung:* Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hữu H1, anh Lê Hữu Đ, anh Lê Minh H2, chị Lê Thị Phương L1, anh Lê Đại P, anh Lê Đại L2, anh Lê Đại L3. Buộc anh H3, chị Q có trách nhiệm trả cho ông H1, anh Đ, anh H2, chị L1, anh P, anh L2, anh L3 số tiền nợ vay là 30.000.000 đồng và lãi suất 0,83%/tháng của số tiền 60.000.000 đồng tính từ ngày 19/9/2017 đến ngày 03/11/2019, trừ lãi đã đóng 3.600.000 đồng và tiền lãi 0,83%/tháng của số tiền 30.000.000 đồng tính từ ngày 04/11/2019 tới ngày xét xử sơ thẩm. Anh H3, chị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: ông Lê Hữu H1, anh Lê Hữu Đ, anh Lê Minh H2, chị Lê Thị Phương L1, anh Lê Đại P, anh Lê Đại L2, anh Lê Đại L3 khởi kiện yêu cầu anh Dương Thanh H3, chị Nguyễn Thị Kim Q trả số tiền nợ vay theo “giấy nhận nợ” ngày 04/01/2019 và giấy tay ghi ngày 19/9 là vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Anh H3, chị Q có nơi cư trú tại Tổ 3, ấp 1, xã S, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của các đồng nguyên đơn khác là anh Lê Hữu Đ; bị đơn là chị Nguyễn Thị Kim Q có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn là anh Dương Thanh H3 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ, chị Q, anh H3.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn là anh Dương Thanh H3, chị Nguyễn Thị Kim Q trả số tiền nợ còn thiếu là 30.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật. Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp là “giấy nhận nợ” ngày 04/01/2019 và giấy tay ghi ngày 19/9.

Nguyên đơn xác định việc vay mượn diễn ra vào ngày 19/9/2017, bà L cho anh H3, chị Q vay số tiền 60.000.000 đồng và cung cấp giấy tay nội dung “Hôm nay 19/9/ con có mượn của Bác 10 sáu mươi triệu...”

Chị Q thừa nhận giấy tay ngày 19/9 và “giấy nhận nợ” do vợ chồng chị viết và ký tên. Thừa nhận có vay của bà L số tiền 60.000.000 đồng, ngày 04/11/2019 đã trả 30.000.000 đồng, còn nợ lại 30.000.000 đồng. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả số tiền 30.000.000 đồng còn lại thì anh H3, chị Q đồng ý trả. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.2] Về yêu cầu tính lãi suất:

Anh H3, chị Q xác định khoản vay 60.000.000 đồng vay vào năm 2016. Từ năm 2016 đến khi bà L chết vào tháng 6/2018 anh chị đóng lãi đầy đủ cho bà L 5%/tháng. Tuy nhiên, anh H3, chị Q không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc đã trả lãi đầy đủ 5%/tháng cũng như không chứng minh được giấy tay ngày 19/9 là giấy tay viết lại để chốt số tiền còn thiếu lại của bà L cho khoản vay từ năm 2016. Do đó, yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn trên số tiền 60.000.000 đồng từ ngày vay 19/9/2017 đến ngày 03/11/2019 (trừ đi 02 tháng đã đóng), và lãi trên số tiền 30.000.000 đồng tính từ ngày 04/11/2019 đến ngày xét xử là ngày 30/9/2021, là có căn cứ chấp nhận.

[3.3] Về mức lãi suất:

Nguyên đơn xác định cho vay số tiền 60.000.000 đồng với mức lãi suất 3%/tháng, bị đơn xác định mức lãi suất là 5%/tháng, là có tranh chấp về lãi suất. Do đó, căn cứ theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, lãi suất được xác định là 0,83%/tháng.

Cụ thể số tiền lãi được tính như sau:

- Từ ngày 19/9/2017 đến ngày 03/11/2019 là 25 tháng 14 ngày, trên số tiền 60.000.000 đồng: $60.000.000 \text{ đồng} \times 25 \text{ tháng } 14 \text{ ngày} \times 0,83\%/\text{tháng} = 12.682.000 \text{ đồng}$ (làm tròn từ số 12.682.400 đồng).

Anh H3, chị Q đã trả 02 tháng tiền lãi là 3.600.000 đồng: $12.682.000 \text{ đồng} - 3.600.000 \text{ đồng} = 9.082.000 \text{ đồng}$.

- Từ ngày 04/11/2019 đến ngày 30/9/2021 là 22 tháng 26 ngày, trên số tiền 30.000.000 đồng: $30.000.000 \text{ đồng} \times 22 \text{ tháng } 26 \text{ ngày} \times 0,83\%/\text{tháng} = 5.694.000 \text{ đồng}$ (làm tròn từ số 5.693.800 đồng)

- Tổng cộng tiền lãi là 14.776.000 (Mười bốn triệu bảy trăm bảy mươi sáu nghìn) đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án. Ông Lê Hữu H1, anh Lê Hữu Đ, anh Lê Minh H2, chị Lê Thị Phương L1, anh Lê Đại P, anh Lê Đại L2, anh Lê Đại L3 không phải chịu án phí. Anh Dương Thanh H3, chị Nguyễn Thị Kim Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hữu H1, anh Lê Hữu Đ, anh Lê Minh H2, chị Lê Thị Phương L1, anh Lê Đại P, anh Lê Đại L2, anh Lê Đại L3 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản với anh Dương Thanh H3, chị Nguyễn Thị Kim Q.

Buộc anh Dương Thanh H3, chị Nguyễn Thị Kim Q cùng có nghĩa vụ trả cho ông Lê Hữu H1, anh Lê Hữu Đ, anh Lê Minh H2, chị Lê Thị Phương L1, anh Lê Đại P, anh Lê Đại L2, anh Lê Đại L3 số tiền nợ vay gốc là 30.000.000 đồng và lãi là 14.776.000 đồng. Tổng cộng 44.776.000 (Bốn mươi bốn triệu bảy trăm bảy mươi sáu nghìn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 30/9/2021 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án (anh H3, chị Q) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2/ Về án phí:

Anh Dương Thanh H3, chị Nguyễn Thị Kim Q phải chịu 2.238.000 (Hai triệu hai trăm ba mươi tám nghìn) đồng án phí sơ thẩm dân sự.

Ông Lê Hữu H1, anh Lê Hữu Đ, anh Lê Minh H2, chị Lê Thị Phương L1, anh Lê Đại P, anh Lê Đại L2, anh Lê Đại L3 không phải chịu án phí sơ thẩm dân sự. Hoàn trả cho ông H1, anh Đ, anh H2, chị L1, anh P, anh L2, anh L3 số tiền 1.464.000 (Một triệu bốn trăm sáu mươi bốn nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001923 ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp, bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các bên đương sự biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- THA Dân sự huyện Tân Châu;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diễm My

